

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 92/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 16/11/2017

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HOÁ - TỈNH THANH HOÁ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân : 1. Bà Lê Thị Mơi
2. Bà Bùi Thị Khánh Hội

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Ngọc Anh- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hoá.

Ngày 16/11/2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 223/2017/TLST-HNGĐ ngày 02/10/2017 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 153/2017/QĐXST-HNGĐ ngày 31/10/2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T - sinh năm: 1978 (có mặt)

Địa chỉ: đường Đ, P. Đ, TP. T, tỉnh Thanh Hóa

2. Bị đơn: Anh Đàm Thế S - sinh năm: 1976 (vắng mặt)

Địa chỉ: Xóm D, xã Đ, TP. T, tỉnh Thanh Hóa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ly hôn được bổ sung tại bản tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, chị Nguyễn Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Đàm Thế S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND P. Đ, TP. T vào năm 1996. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn đến khoảng năm 2003 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do lối sống trái ngược nhau, giữa vợ chồng thường xuyên xảy ra xung đột, cãi vã. Mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng sống ly thân từ khoảng năm 2007 đến nay không ai quan tâm đến ai. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh S.

Về con chung: Chị và anh S có 02 con chung là cháu Đàm Khánh L sinh ngày 03/9/1998 và cháu Đàm Mạnh C sinh ngày 14/4/2007. Từ ngày vợ chồng sống ly thân cháu C ở cùng chị. Chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu C, không yêu cầu anh S cấp dưỡng.

Về tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Đàm Thế S trình bày:

Về hôn nhân: Về thời gian, điều kiện kết hôn anh thống nhất như chị T trình bày. Về nguyên nhân mâu thuẫn theo anh do chị T ngoại tình, vi phạm đạo đức của người vợ. Nay chị T có đơn xin ly hôn, anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đồng ý thuận tình ly hôn.

Về con chung: Anh thống nhất với ý kiến chị T về số con chung và tên tuổi của các con. Từ ngày vợ chồng sống ly thân đến nay cháu C ở cùng chị T. Ly hôn anh cũng có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu C, không yêu cầu chị T cấp dưỡng.

Về tài sản: Tại bản tự khai ngày 18/10/2017 anh có đề nghị sẽ giao nộp đơn yêu cầu và tài liệu chứng cứ kèm theo để yêu cầu tòa án giải quyết về phần tài sản của vợ chồng trong thời hạn 10 ngày nhưng anh không giao nộp.

Tại bản tự khai ngày 18/10/2017 cháu Đàm Mạnh C trình bày: Bố mẹ cháu không sống cùng nhau. Từ khi sinh ra đến nay cháu ở với mẹ là Nguyễn Thị T. Quá trình chung sống mẹ cháu chăm sóc cháu và cho cháu đi học đầy đủ còn bố thì không mấy khi thăm cháu. Nay bố mẹ ly hôn cháu tha thiết xin được ở với mẹ.

Đơn trình bày của chị T có xác nhận chính quyền địa phương phố Đ, P. Đ, TP. T: Cháu Đàm Mạnh C từ khi sinh ra cho đến hiện nay sống cùng chị T tại phố Đ, P. Đ, TP. T.

Ngày 14/11/2017 anh Đàm Thế S có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt anh có ý kiến:

Về hôn nhân anh giữ nguyên ý kiến thuận tình ly hôn;

Về con chung anh đề nghị nay cháu C muốn ở với mẹ anh cũng đồng ý;

Về tài sản anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa chị T giữ nguyên toàn bộ yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[*Về tố tụng:* Chị Nguyễn Thị T và anh Đàm Thế S hiện tại cùng cư trú tại TP. T. Chị T có đơn xin ly hôn, quá trình Tòa án hòa giải anh S đồng ý thuận tình ly hôn nhưng hai bên không thỏa thuận được về phần con chung, Tòa án đã ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tại phiên tòa chị T có mặt, anh S vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 BLTTDS, Tòa án đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định của pháp luật].

[*Về hôn nhân:* Chị T và anh S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có ĐKKH năm 1996 tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, nay chị T xin ly hôn, anh S cũng đồng ý thuận tình ly hôn. Vì vậy, căn cứ Điều 55 luật HNGĐ, công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị T và anh S].

[*Về con chung:* Anh, chị thống nhất có 02 con chung là cháu Đàm Khánh L sinh ngày 03/9/1998 và cháu Đàm Mạnh C sinh ngày 14/4/2007. Cháu L đã thành niên cháu ở với ai là quyền của cháu. Chị T đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu C, không yêu cầu anh S cấp dưỡng. Yêu cầu của chị T là chính đáng, việc chị 2

không yêu cầu cấp dưỡng là tự nguyện, cháu S từ khi sinh ra đến nay sống cùng chị T. Mặt khác, tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt anh S có ý kiến nếu cháu C muốn sống cùng chị T anh cũng đồng ý. Vì vậy, căn cứ Điều 81, Điều 82, Điều 83 luật HN và GD, giao cháu C cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh S không phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với ý kiến của chị T, anh S và cháu C, phù hợp với quy định của pháp luật.]

[*Về tài sản:* Anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét].

[*Về án phí:* Căn cứ Điều 147 BLTTDS; Điều 6; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14, chị T chịu án phí Hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật].

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 273 BLTTDS. Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật HN và GD. Điều 6; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14.

Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Đàm Thế S.

Về con chung: Chị T và anh S có 02 con chung là cháu Đàm Khánh L sinh ngày 03/9/1998 (đã thành niên) và cháu Đàm Mạnh C sinh ngày 14/4/2007. Giao cháu C cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh S không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh S có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số AA/2016/0004367 ngày 28/9/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Thanh Hoá (chị T đã nộp đủ án phí).

Chị T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh S có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận (hoặc ngày niêm yết) bản án

Nơi nhân:

- Đương sự;
- VKSND TP.Thanh Hóa;
- UBND P. Đ;
- Chi cục THADS TPTH;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Ngô Thị Hà